

K Y U H I N G H

**“ i m i công tác gi ãng d ãy c ã gi ãng viên”
n m h c 2014-2015**

Biên tập: Nguyễn Văn Duy

THÔNG BÁO

Chương trình học tập “*Đi tìm ý công tác giảng dạy*”
của Viện CNSH&MT năm học 2014-2015

1. Thời gian: **7h30-10h30, ngày Thứ ba 21/7/2015**

2. Địa điểm: **Văn phòng Viện**

3. Chương trình học tập

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
7h30-7h45	Công tác chuẩn bị, đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức
7h45-7h50	Khai mạc Hội nghị	Viện trưởng
7h50-8h10	Báo cáo 1: Sử dụng PPT trong giảng dạy: mặt tích cực và hạn chế	Ngô Ngọc Nghĩa
8h10-8h30	Báo cáo 2: Giới pháp giúp sinh viên tốt nghiệp hiệu quả	Phan Thanh Kiên Sâm, SV 55CNSH
8h30-8h50	Báo cáo 3: Hướng dẫn sinh viên tốt nghiệp trong hoạt động thực tiễn	Phạm Thu Thủy
8h50-9h10	Báo cáo 4: Trao đổi về mặt tích cực kinh nghiệm giảng dạy môn Kỹ thuật xử lý nước thải	Nguyễn Thị Ngọc Thanh
9h10-9h20	Nghỉ giải lao	
9h20-9h40	Báo cáo 5: Mặt tích cực giới pháp nâng cao chất lượng giảng dạy thực hành	Phạm Thị Lan
9h40-10h00	Báo cáo 6: Chia sẻ mặt tích cực kinh nghiệm trong việc hướng dẫn và đánh giá sinh viên làm việc nhóm (Seminar)	Khúc Thị An, Nguyễn Thị Kim Cúc
10h00-10h20	Báo cáo 7: Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá quá trình trong hoạt động thực tiễn	Văn Hồng Cẩm
10h20-10h30	Ban tổ chức Hội nghị	Ban tổ chức

Đây là một hoạt động thi thố góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, nâng cao chất lượng cán bộ, giảng viên của Viện tham gia đồng lòng và đóng góp vào thành công của Hội nghị.

Trân trọng!

BTC Hội nghị

Sử dụng Power Point trong giảng dạy: một số vấn đề cần lưu ý

Ngô Đăng Nghĩa

Viện CNSH&MT

Hội nghị đào tạo, 21/7/2015

Mở đầu

- PowerPoint là phần mềm được sử dụng rộng rãi nhất trong lớp học.
- PPT có nhiều ưu điểm hơn pp truyền thống bảng đen phấn trắng hay overhead
- Tuy nhiên nếu dùng không đúng cách sẽ giảm tác dụng

Ưu điểm của PPT

- Minh họa trực quan sống động và tạo ấn tượng sâu sắc.
 - Trình bày hình ảnh, sơ đồ, hình chuyển động, video clip.
 - Rất cần thiết cho các phần như cấu trúc hoá học các phân tử, các cơ chế phản ứng,
 - Các bài giảng sinh vật: hình thái học, giải phẫu học, di truyền, ..
 - Các bài giảng thiết bị máy móc...

Ưu điểm của PPT

- Truyền thụ thông tin nhanh chóng đến người học
 - Không mất thời gian vẽ, viết trên bảng
 - Đồng thời trên một slide cung cấp nhiều thông tin khác nhau
 - Sinh viên có thể truy cập bài giảng nhanh chóng trên web, trước hoặc sau khi giảng bài một cách nhanh chóng.

Ưu điểm của PPT

- Thông tin được trình bày có hệ thống và độ chính xác cao
 - Các thông tin trên PPT được giáo viên kiểm tra, sửa chữa nhiều lần trong quá trình giảng dạy và được chính xác hoá, ít nhầm lẫn so với khi viết lại trên bảng. Ví dụ các tên latin, các công thức toán, các hình vẽ...
 - Kiến thức được trình bày một cách hệ thống qua các sơ đồ và lưu giữ trong bộ nhớ của người học tốt hơn với các hình ảnh và màu sắc

Ưu điểm của PPT

- Thông tin giàu cảm xúc và tác động tích cực đến người học
 - Màu sắc, hình ảnh, âm thanh tác động đến phần cảm xúc của người học
 - Vẻ đẹp của các hình ảnh góp phần giáo dục thẩm mỹ cho người học.

Các lý do người học không thích PPT

J. Education and Management Engineering, 2012, 9, 61-65

TT	Lý do	Tỷ lệ
1	Không thể tập trung, dễ cảm thấy chán	29.2%
2	Trì trệ, không thích thú	25%
3	Đơn điệu, không tạo điểm nhấn	20.8%
4	Quá nhiều thông và trình bày quá nhanh	16.7%
5	Thiếu logic	8,3%

Các nhược điểm cần lưu ý

- Các thông tin không liên quan trực tiếp đến nội dung có thể gây phản tác dụng
 - Để giảng các khái niệm trừu tượng, cần minh họa bằng các hình ảnh. Nhưng lạm dụng các hình ảnh, nhất là các hình ảnh không liên quan, mặc dù có thể làm học sinh thích thú nhưng lại không tập trung vào nội dung, hoặc có thể gây hiểu sai các khái niệm.
 - Các thông tin quá nhiều trên một slide gây mất tập trung.
 - Khi sinh viên chú ý nhiều đến các chi tiết, sự hiểu thấu sẽ giảm xuống.

Các nhược điểm cần lưu ý

- Tập trung nhiều vào các slide sẽ làm cho tương tác giữa thầy và trò giảm xuống
 - Người giảng khi dùng PPT thường có xu hướng tập trung vào màn hình để chỉ các cho tiết mà ít nhìn vào khuôn mặt người học và ngược lại.
 - Lớp học trở nên đơn điệu.
 - Người học có xu hướng chỉ chấp nhận thông tin mà không suy nghĩ để hiểu thấu.

Các nhược điểm cần lưu ý

- Thông tin truyền thụ quá nhanh sẽ làm giảm khả năng theo kịp mạch ý của thầy giáo
 - Khi quá nhiều thông tin cùng một slide, sự tập trung của người học vào mạch ý của thầy sẽ giảm hoặc không theo kịp và các thông tin sẽ trở nên không nhất quán và không hiểu thấu.
 - Khi không thể theo kịp mạch ý, người học sẽ có xu thế mất tập trung và lơ đãng.

Các nhược điểm cần lưu ý

- Các slide được trình bày theo một trật tự nghiêm ngặt sẽ là giảm khả năng tư duy của thầy
 - Khi viết bảng, người thầy làm chủ tư duy của mình và có nhiều sáng tạo khi giảng.
 - Khi dùng PPT, người thầy bị lệ thuộc vào nội dung của PPT.

Các biện pháp để nâng cao hiệu quả của PPT

- Chỉ sử dụng PPT như một công cụ hỗ trợ quá trình giảng bài. Chú ý mỗi phương pháp đều có một vai trò và hiệu quả riêng không thể thay thế.
- Thiết kế PPT một cách hợp lý và tinh tế. Ví dụ tránh dùng câu dài, nên dùng các từ khoá, cụm từ, dùng chữ theo font, size, màu sắc phù hợp, hoà hợp với nhau. Chú ý màu sắc quá tương phản gây mệt cho người học.

Các biện pháp để nâng cao hiệu quả của PPT

- Tăng cường tương tác với người học khi giảng bằng PPT. Không nên chỉ tập trung vào màn hình.
- Nên tìm tòi cách dùng PPT một cách sáng tạo và kết hợp với các phương pháp khác.
- Các môn toán, kỹ thuật nên giảng bằng bảng hơn là PPT.

Xin cảm ơn



H I T H O
I M I CÔNG TÁC GI NG D Y VI N CNSH & MT
N m h c 2014 - 2015

Ch :

GI I PHÁP GIÚP SINH VIÊN
T H C H I U Q U

Báo cáo viên: Phan Thanh Ki u Sâm
n v : oàn Thanh Niên

NỘI DUNG CHÍNH:

H C CH TÍN CH

TH C TR NG TÌNH HÌNH H CT PC A SINH VIÊN

XU T GI I PHÁP

ng ký môn
h c

Ho ch nh k
ho ch h c t p

H c v n
b ng hai

H C CH
TÍN CH

CH
NG

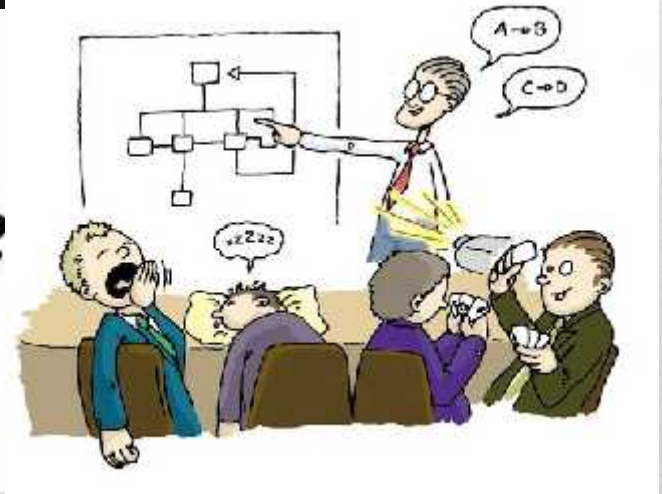
T H C

Th i khoá
bi u

Kh n ng,
s thích

SÁNG
T O

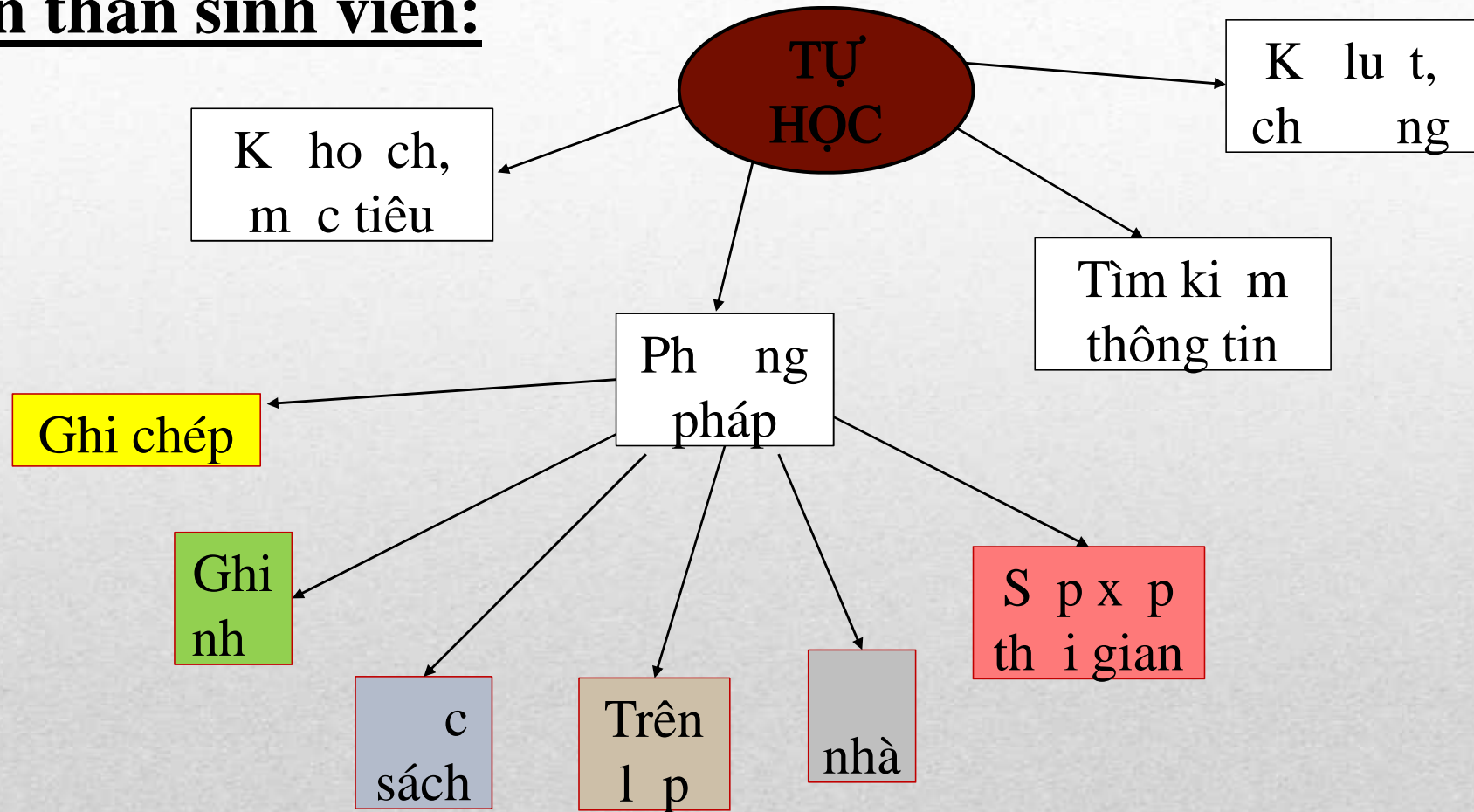
Th c t



Vậy làm thế nào để giải quyết
tình trạng này ?



B n thân sinh viên:



Giáo viên:

- i m i, a d ng hoá các ph ng pháp gi ng d y



Làm vi c nhóm



Báo cáo

- Có sự tương tác giữa giáo viên và sinh viên



Trao đổi bài



Liên hệ ghép trò chơi

- a th c t vào gi ng d y



H c i ô i v i th c hành

*Chuy n i th c t c a
chi oàn 54CNSH*

Nhà tr ờng

- C ố i t i n các trang thi t b , c s v t ch t
- Quan tâm, h ỗ tr các tài nghiên c ứ a khoa h ọc c ứ a sinh viên.
- H ỗ tr các câu l ời b ộ h ọc thu t, chuyên ngành ho t ễ ng và phát tri ển



D ự án “V ườn rau s ạch”

- Tổ chức các chương trình, cuộc thi giữa các nhóm, giữa các lớp học cá nhân
- Thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học, hội thảo trao đổi giữa giáo viên và sinh viên



Hội thảo khoa học



Rung chuông vàng

K T L U N

T h c có vai trò vô cùng quan tr ng trong quá trình h c i h c c a sinh viên,

- Giúp phát huy tính t giác tích c c n ng l c c sách và nghiên c u
 - Nâng cao ho t ng trí tu c a sinh viên trong vi c ti p thu và hi u tri th c m i
 - Rèn luy n cho sinh viên cách c l p suy ngh , c l p gi i quy t v n
 - Giúp sinh viên t tin h n, ham h c h i
-

C M N QUÍ TH Y CÔ ã L NG NGHE



HÌNH ẢNH MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC
VIÊN CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG

Hình ảnh sinh viên thực trong phòng thí nghiệm

Phạm Thu Thủy
7/2015



t v n

- T h c óng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình h c b c i h c c a sinh viên là nhân t tr c ti p trong vi c nâng cao ch t l ng ào t o
- T ch c t t vi c t h c là yêu c u c p thi t hi n nay

“Ch có th b ng con ng t h c sinh viên m i có th h c h i c i u gì ó. Nhi m v duy nh t c a Nhà tr ng là t o thu n l i cho quá trình t h c. N u nh không làm c i u này, Nhà tr ng s ánh m t ý ngh a t n t i c a mình”. (Isaac Asimov, 1920-1992)



Các hình thức hoạt động

- *T h c trên l p:*
 - Nghe gi ng
 - Ghi chép
 - Làm bài t p trên l p
- *T h c ngoài l p:*
 - c sách, giáo trình, tài li u tham kh o, ...
 - Th c hi n các bài t p môn h c
 - Làm ti u lu n, báo cáo nhóm
 - Chu n b c ng th o lu n nhóm trên l p
 - i th c t c s

Các phương pháp hướng dẫn sinh viên thực

1. Hướng dẫn tài liệu học tập cho sinh viên
2. Hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập
3. Hướng dẫn sinh viên xây dựng các loại bài tập thực
4. Hướng dẫn các kỹ năng cho sinh viên
5. Hướng dẫn cho sinh viên chuẩn bị seminar
6. Hướng dẫn cho sinh viên nghiên cứu khoa học



Hạng mục tài liệu học tập cho sinh viên

- Giáo trình tài liệu học tập: giáo trình, sách tham khảo, bài báo chuyên ngành, luận văn, luận án, báo cáo tài,...
- Giảng viên cần nghiên cứu kỹ nội dung bài giảng, xác định kiến thức nào cần giảng và làm rõ trên lớp, phần kiến thức nào dành cho sinh viên tự học và nghiên cứu thêm (nội dung tự học), cung cấp và giới thiệu các nguồn chi tiết học phần cho sinh viên ngay buổi đầu tiên của môn học.

Hàng đầu sinh viên xây dựng kế hoạch chi tiết

Yêu cầu xây dựng kế hoạch chi tiết:

- Xác định các nội dung thực
- Xác định mục tiêu thực
- Xác định thời gian các công việc cần làm
- Phân phối sắp xếp thời gian cho từng công việc cho phù hợp
- Giáo viên kiểm tra, đánh giá sinh viên về việc thực hiện kế hoạch xây dựng

Hạng d n SV xây dựng các loại bài tập thực

*Hạng d n sinh viên xây dựng các dạng bài tập thực
thông qua:*

- Các câu hỏi hình dạng nh c bài, câu hỏi ôn tập bài c , câu hỏi làm c ng ôn tập
- B câu hỏi trắc nghiệm liên quan n kiến thức môn học
- Các s , công thức c u t o, c u trúc hóa học liên quan
- Chu n b seminar
- c tài liệu tham khảo (bài báo chuyên ngành, giáo trình tiếng Anh,...)
- Vi t báo cáo, ti u luận



Hướng dẫn các kỹ năng cho sinh viên

- Kỹ năng tra cứu tài liệu trên th vi n s , tra cứu bài báo chuyên ngành trên các trang CSDL chuyên ngành, cách tìm kiếm các video, cách ch n tài li u c
- Kỹ năng c
- Kỹ năng trích d n tài li u tham kh o
- Kỹ năng x lý s li u
- Kỹ năng vi t báo cáo
- Ti n trình c:
 - B c 1: c nhanh m c l c tìm n i dung c n c
 - B c 2: c tr n v n m t v n : ph i hi u ý ngh a các t vi t trong giáo trình; ph i nh nh ng ý và xem có phù h p hay không; ph i ánh giá nh n xét nh ng gì ã



Hướng dẫn các kỹ năng cho sinh viên

- Kỹ năng cơ: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bài báo
 - Bước 1: Đọc nhanh
 - Bước 2: Xác định vấn đề: phân tích ý nghĩa các từ; nắm bắt ý chính, các kết luận và đánh giá, nhận xét những gì đã xảy ra.
 - Ghi tóm tắt nội dung theo ý hiểu của mình và diễn đạt lại bằng lời văn hoặc có thể tóm tắt để diễn giải



Hướng dẫn cho sinh viên chuẩn bị seminar

- Có nhiều kiểu seminar tùy nội dung mà giảng viên cho sinh viên lựa chọn kiểu seminar.
- Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy logic giảng viên cần thể hiện:
 - Nội dung seminar: mục đích, nội dung, thời gian tiến hành.
 - Nêu ra một số câu hỏi gợi ý theo dàn ý của sinh viên, tìm hiểu, ghi thích.
 - Có thể cung cấp hoặc giới thiệu tài liệu sinh viên photo, tìm kiếm.
- Chọn cách seminar gắn liền lý thuyết với thực tiễn



Hàng đầu sinh viên nghiên cứu khoa học

- rèn luyện kỹ năng tổ chức nghiên cứu khoa học cho sinh viên, giảng viên có thể: Tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học bằng nhiều hình thức khác nhau: tham gia các tài NCKH, thi thố, thông qua việc hoàn thành các bài tập môn học, ...



Kết luận

- Việc tổ chức, chỉ đạo giảng dạy và quản lý các hoạt động của nhà trường cần xem là nhiệm vụ quan trọng của các nhà quản lý giáo dục.
- Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần quan tâm, chú ý rèn luyện kỹ năng tổ chức cho sinh viên. Nhiệm vụ này đòi hỏi sự tìm tòi sâu sắc trong ý thức giảng dạy. Quá trình dạy học không tách rời quá trình tổ chức. Khi đã có nhiệm vụ tổ chức, thì nhiệm vụ của sinh viên sẽ có ý nghĩa trị giá, kỹ năng, kỹ năng thi đấu nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công việc.
- “Tổ chức, chỉ đạo là một công việc phát triển suốt đời của các nhà quản lý trong nền kinh tế xã hội hiện đại và các lĩnh vực khác” - M. L. P. /.

TRAO I V M T S KINH NGHI M GI NG D Y MÔN K THU T X LÝ N C TH I

Báo cáo viên: Nguyễn Thanh

B môn: Công nghệ Kỹ thuật Môi trường

Đổi mới phương pháp giảng dạy là yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao uy tín của trường đại học. Để thực hiện được điều này, trường đại học cần có những chuyển biến căn bản về cơ cấu tổ chức và nhu cầu lao động xã hội. Mặt khác, các nhà quản lý và các xã hội tiếp nhận thì sẵn sàng chi trả cho những dịch vụ khác nhau, và vì thế sẽ có những yêu cầu khác nhau về kỹ thuật và trình độ, khoa học và công nghệ.

Vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy đại học như thế nào là phù hợp với môn học và mang tính lý thuyết và mang tính ứng dụng trong môn Kỹ thuật Lý thuyết? Trong phạm vi bài viết này, tôi xin trao đổi về vấn đề kinh nghiệm rút ra từ quá trình giảng dạy môn Kỹ thuật Lý thuyết.

1. Đặc điểm môn học

Kỹ thuật Lý thuyết là một trong các môn chuyên ngành quan trọng của ngành CNKTMT. Nó kèm theo các phương pháp lý thuyết là các phương pháp thực hành và kiến thức. “Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về cơ sở lý luận, các phương pháp xử lý và mô hình công nghệ xử lý nước thải, bùn cặn (sinh học và công nghệ), nhằm giúp người học phát triển kiến thức về xử lý nước thải, là chuyên ngành công nghệ, tính toán, thiết kế và vận hành hệ thống xử lý nước thải” (trích từ chương trình giáo dục).

Khó khăn của kiến thức của môn học là rất lớn. Nó đòi hỏi người học phải có kiến thức tổng quát và chuyên sâu trong lĩnh vực xử lý nước thải trong khi số lượng kiến thức cần học thì luôn có giới hạn. Vì thế, sự khó khăn cho các giáo viên trong việc làm sao truyền đạt kiến thức cho người học là một thách thức; và sinh viên cũng không dễ dàng có thể nắm bắt được kiến thức lý thuyết và thực hành, kiến thức. Hơn nữa, hiện

nay công nghệ x lý n c th i nói riêng, x lý ô nhi m môi tr ã ng nói chung c nhi u n c quan tâm, u t phát tri n, nhi u công ngh m i ã c nghiên c u và ng d ng; do ó, bu c ng i d y l n ng i h c ph i không ng ng c thêm các tài li u có th c p nh t k p th i. Do ó, ây không ph i là m t h c ph n d i v i c ng i d y và ng i h c trong quá trình gi ng d y và nghiên c u.

Ngoài ra, CNKTMT là m t ngành m i t i i h c Nha Trang nên còn có m t s khó kh n riêng trong gi ng d y và h c t p nh : ch ã ng trình ào t o, c ã ng chi ti t c a ngành v n ã ng trong quá trình xây d ã ng, ch nh s a và hoàn thi n; h th ã ng phòng thí nghi m, các mô hình thí nghi m x lý n c th i, khí th i, ch t th i r n, máy móc, d ã ng c thí nghi m còn ã ng i n, s s ài ch a áp ã ng cho nhu c u d y và h c c a GV và SV; i ã ng gi ã ng viên tr c v tu i i l n tu i ã ng ; s s các l p khá ã ng (>70 SV/l p) nên t ch c l p h c m t cách hi u qu là không d ã ng.

2. Ph ã ng pháp gi ng d y và ánh giá áp d ã ng

Xu t phát t ã ng lý do trên, tôi ã áp d ã ng ph ã ng pháp gi ng d y k t h p gi a thuy t trình, trao i th o lu n và th c hành t th c ti n h th ã ng x lý n c th i c a các nhà máy. V i các ch ã ng khác nhau, tôi áp d ã ng nh ã ng ph ã ng pháp khác nhau phù h p v i t ã ng n i dung nghiên c u, gia t ã ng s thú v và quan tâm c a sinh viên.

- **Ph ã ng pháp thuy t trình:** c s d ã ng trong nh ã ng ch ã ng u v i nhi u n i dung mang tính t ã ng quan v n c th i và x lý n c th i. M c ích c a ph ã ng pháp này là giúp sinh viên t i p nh n, x lý và ghi nh các thông tin, ki n th c chung v môn h c thông qua kh ã ng ã ng nghe, nhìn và ghi chép. Các n i dung trong ch ã ng thuy t trình s c c ã ng, rõ ràng ã ng gi thuy t trình tr ã ng nh ã ng, h p d ã ng h n v i ã ng i h c. t ã ng tính ch ã ng và kh ã ng ã ng t p trung c a ã ng i h c, bên c ã ng các bài gi ã ng thuy t trình c a giáo viên s là các bài thuy t trình c a m t s ã ng nhóm sinh viên c l a ch ã ng liên quan ã ng nh ã ng h c (nhóm và n i dung thuy t trình s do giáo viên phân công t ã ng i gi i thi u môn h c).

- **Phương pháp làm việc nhóm:** trong tuần học đầu tiên, giáo viên sẽ chia nhóm và giao cho các nhóm thảo luận (trong vòng 4 tuần). Các nhóm sẽ trình bày báo cáo theo từng chủ đề liên quan trong suốt quá trình học. Các vấn đề sẽ được bám vào các nội dung của chương trình có các kiến thức cơ bản và kiến thức thực tiễn hàng ngày để học sinh tham khảo, nghiên cứu ngành học tốt hơn. Vì những chủ đề mang kiến thức cơ bản, sinh viên trình bày khoảng 10 phút sau đó giáo viên sẽ hỏi toàn bộ cho sinh viên nắm bắt các vấn đề cơ bản. Vì các vấn đề thực tiễn, sau khi nhóm trình bày sẽ là thời gian cho lớp đặt câu hỏi, thảo luận (khoảng 20 phút). Cuối cùng, giáo viên nhận xét về bài báo cáo cho học viên về nội dung, cách thức, nội dung báo cáo, ngữ âm, cách bao quát và xử lý tình huống, câu hỏi. Trong thời gian trình bày tất cả các học viên phải chú ý và giáo viên quản lý tất cả tránh trường hợp học sinh chỉ chú ý đến phần bài của nhóm mình. Ưu điểm nổi bật của phương pháp là học sinh phải chủ động phần lớn kiến thức, giáo viên hướng dẫn nên học sinh có thể có kiến thức ngay trên lớp. Tuy nhiên, nó cũng có nhược điểm như không có thời gian đánh giá kết quả từng học sinh, và chất lượng báo cáo của mỗi nhóm thường không đồng đều, một số lớp, một số nhóm làm cho có. Do vậy, giáo viên cần kiểm tra nội dung báo cáo nhóm trước khi cho nhóm trình bày, các nhóm không tốt yêu cầu sinh viên làm lại báo cáo và nếu vẫn không tốt thì sẽ mời thêm học sinh vào nhóm.
- **Trao đổi, tiếp cận thực tiễn:** bên cạnh việc thuyết trình và thảo luận nhóm trên lớp, trong phạm vi môn học, giáo viên sẽ bố trí cho lớp đi tham quan thực tiễn, tìm hiểu về các hình thức xử lý nước thải khác nhau trong phạm vi cho phép gồm các hình thức xử lý nước thải ô nhiễm (sinh học) và hình thức xử lý nước thải công nghiệp (khu công nghiệp). Sinh viên sau khi đi thực tiễn nhà máy xử lý nước thải sẽ phải có báo cáo cá nhân về các kết quả thu được. Phần báo cáo này cũng sẽ đưa vào điểm quá trình của mỗi sinh viên.
- **Xuyên suốt quá trình dạy và học là quá trình đánh giá kết quả học tập bằng nhiều hình thức khác nhau hàng ngày, nghiên cứu của sinh viên.** Giáo viên sẽ có các đánh giá thông qua các buổi học trên lớp: sẽ tham gia xây dựng bài, làm bài tập (10%);

ánh giá thông qua hoạt động nhóm bao gồm đánh giá chung cho cả nhóm và đánh giá cho từng cá nhân thông qua buổi báo cáo nhóm (10-15%) và đánh giá qua báo cáo cá nhân dưới hình thức các hình thức x lý n c th i (10%) và đánh giá qua các bài kiểm tra trên lớp (20%) cũng như bài thi cuối học kỳ (50%). Các hình thức đánh giá, kiểm tra sẽ do các giáo viên công bố ngay trong buổi đầu tiên của môn học. Học trò nghiên cứu và học tập của sinh viên, giáo viên sẽ đi thi ở các giáo trình mới, trang web phục vụ chuyên môn cũng như lý thuyết, báo cáo phân tích. Học trò trao đổi những thắc mắc về môn học với sinh viên thông qua email và điện thoại. Tuy nhiên, làm việc qua email là hiệu quả nhất.

3. Kết luận

Trên đây là những chia sẻ cá nhân về việc giảng dạy và đánh giá ở vị trí môn Kỹ thuật x lý n c th i. Với mỗi giáo viên, mỗi môn học hay mỗi ngành học và mỗi cấp học, mỗi lớp học khác nhau đều có những đánh giá, lựa chọn phương pháp riêng phù hợp. Rất mong nhận được những góp ý chân thành của Quý Thầy Cô.



M t s gi i pháp nâng cao ch t
l ng gi ng d y th c hành
(ngành CNSH)

Ph m Th Lan

- **Khó khăn, hạn chế :**

- Trang thiết bị không đáp ứng nhu cầu thực hành: đáng tiếc không có cho SV thực tập, máy móc bị hỏng từ lâu nay mới được sửa chữa gần đây mới được thay thế. Vì vậy nhà trường cần có kế hoạch đầu tư, khắc phục.
- Chưa có PTN riêng cho SV thực hành và SV làm tài liệu thí nghiệm, nghiên cứu khoa học nên PTN rất lộn xộn, chằng chéo.



- Do học theo tính chất nên trong 1 lớp SV có thể có các hình thức phân nhóm khác nhau, dẫn đến tình trạng rất khó xếp lịch cho lớp, lần này.
- Có nhiều sinh viên chưa học các hình thức phân nhóm tiên quyết nên khi học rất mệt mỏi.
- SV chưa học xong lý thuyết đã học thì nên cố gắng phần rất nhiều khó khăn.



- SV vẫn còn tiếp tục coi như các hình thức hành nên chưa chú trọng và tập trung học.
- Kinh phí dùng cho một số môn còn thấp nên công việc gặp khó khăn trong việc bố trí các bài thí nghiệm, thực hành.
- Chưa có giáo trình, bài giảng thống nhất dùng cho các ngành học, ngành nào cần những kỹ năng nào cho thực nghiệm.

M T S BI N PHÁP NH M NÂNG CAO CH T L NG



GDTH các h c ph n ngành CNSH

- GV

- Tr c khi th c n chia nhóm h p lý, phân công nhóm tr ng, nhóm phó c th qu n lý nhóm.
- GV c n sinh ho t tr c n i quy c a gi th c hành vì khi th c hành có nh ng hóa ch t, d ng c s c bén SV tuân th n i quy tránh tình tr ng ùa ngh ch gây th ng tích và m t tr t t trong gi th c hành.

- Trước và trong khi tiến hành thực hành, GV cần ghi chú chi tiết các nguyên tắc, máy móc, thiết bị liên quan công nghệ các nguyên lý, mô hình thực hành.
- Sinh viên làm việc theo nhóm nhỏ, ngồi theo nhóm để hướng dẫn, thảo luận; sau mỗi buổi của các nhóm sẽ thảo luận, trao đổi chéo với nhau.
- Mỗi nhóm sẽ có 1 cuốn sổ nhật ký, sau mỗi buổi học sẽ ghi chép lại những gì đã làm vào sổ, chuẩn bị những công cụ cần thiết cho buổi tiếp theo.
- GV cần sử dụng tranh ảnh, video hoặc bảng phôi thể hiện các bước thực hành.





- GV cần thực hiện nhiều SV quan sát, trong quá trình thực hiện nhiều giáo viên cần lưu ý một số điểm như sau:
 - + Giữ thi u v t cẩn làm m u.
 - + Các b c c làm m u phải c tiến hành theo úng quy trình.
 - + H ng d n t ng b c th t c th trên b ng ph , v t m u ho c hình v .
 - + Bao quát l p th t ch t ch .
 - + Sau khi h ng d n xong, GV cần cho SV thực hiện ngay (quy nh th i gian SV hoàn thành bài th).

- Luôn theo sát nh ng k n ng mà SV c n t c trong CTHP SV có các bài th t ng ng.
- Trong quá trình th c hành n u SV g p khó kh n khi th c hi n thì GV không c làm thay mà ch h ng d n SV cách th c SV t tìm tòi sáng t o.
- Bên c nh ó GV c ng c n có trách nhi m h c h i và rèn luy n thêm nh m t hoàn thi n và nâng cao n ng l c c a b n thân.



- có những bài giảng thực hành và theo sát với thực tiễn công nghệ logic cùng với nội dung học phần lý thuyết đã học, GVTH và lý thuyết nên thống nhất nội dung bài thực hành trước khi học đ n, theo sát những kiến thức trong công nghệ chi tiết của học phần \longrightarrow biên soạn bài giảng thực hành thống nhất cho từng học phần.



- **V** phía nhà tr ờng:

- M i n m c n trang b ỏ thêm d ụng c , máy móc, thi t b ỏ ng th i kh c ph c, s a ch a nh ng máy móc, thi t b ỏ h ỏ h ng ph c v ỏ t t h n trong quá trình SV th c t p.
- C n b ỏ trí các PTN riêng, chuyên sâu, giúp GV c ng nh SV ti p c n t t h n v i nh ng công ngh ỏ m i. ng th i không gây ch ỏ ng chéo, l ỏ n x ỏ n gi ỏ a SV th c hành và SV làm t t nghi p và nghiên c ỏ u khoa h c.

- Nên yêu cầu SV phải học xong các học phần tiên quyết rồi mới học tiếp các học phần tiếp theo.
- Có chính sách ưu đãi về việc giảm d y th c hành t t h n n a nh : cách tính gi , ph c p c h i...
- Tăng thêm kinh phí cho 1 s h c ph n có kinh phí còn th p.



- Sinh viên:

- Cần chú ý bài trình khi tiến hành thí nghiệm.
- Có ý thức vệ sinh quy, quy nh và an toàn PTN.
- SV tuân lý đúng các cá nhân nhóm mình trong suốt quá trình học.
- Khi GV thao tác mẫu, SV cần quan sát từng thao tác cho cẩn thận, nhất là những điểm GV lưu ý.
- Chỉ thực hiện sau khi GV hướng dẫn xong và nắm vững quy trình thực hiện, yêu cầu các chi tiết thực hành và thời gian hoàn thành bài thực tập.
- Khi thực hành SV phải nghiêm túc và làm việc theo nhóm.



- Thi, kiểm tra và đáp.



- SV sẽ trình bày báo cáo kết quả môn học giảng dạy để trình bày luận văn giúp các em rèn luyện kỹ năng trình bày và báo cáo.

→ Cần phải xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường với các cơ sở doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên được tham quan, thực hành, thực tập kỹ thuật, rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên tại các cơ sở, doanh nghiệp. Có như vậy mới nâng cao tay nghề, chất lượng lao động, đáp ứng nhu cầu của xã hội.



CHÂN THÀNH CÁM ƠN!



HỘI NGHỊ ĐÀO TẠO VIÊN 2014 - 2015

CHIA SẺ KINH NGHIỆM TRONG VIỆC HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁNH GIÁ SV LÀM VIỆC NHÓM (SEMINAR)

GV: 1. Khúc Thị An
2. Nguyễn Thị Kim Cúc

Khánh Hòa, 7/2015

SEMINAR – MỘT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Seminar là một hình thức tổ chức dạy học trong đó một SV hoặc nhóm SV được giao chuẩn bị trước một vấn đề nhất định của môn học, sau đó trình bày trước lớp và thảo luận về vấn đề khoa học đã tự tìm hiểu được **dưới sự hướng dẫn của một giảng viên rất am hiểu về lĩnh vực đó.**



SEMINAR – VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN

- Giảng viên đóng vai trò là “người hướng dẫn”
- Sinh viên đóng vai trò là chủ thể của hoạt động học



SEMINAR – ƯU ĐIỂM

- SV phát huy khả năng tự học cao, biết cách tự tìm kiếm tài liệu
- Khơi dậy những hứng thú của SV trong việc đưa ra vấn đề và tìm hiểu những vấn đề bản thân SV quan tâm



- SV được phát huy tối đa tính năng động, tích cực hoạt động trong làm việc nhóm
- SV rèn luyện tư duy phê phán, cảm xúc và cách trao đổi, chia sẻ thông tin với nhiều người...

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ THỂ GẶP PHẢI TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR

- Các buổi seminar mang tính rập khuôn, nhàm chán
- Không khí các buổi seminar trầm lắng, sự tập trung thấp của các sinh viên không thuộc nhóm báo cáo
- Kiến thức trong các buổi seminar nghèo nàn, hời hợt
- Tinh thần của SV trong các buổi seminar tập trung vào việc kiểm tra lẫn nhau



TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR

- **Lựa chọn chủ đề**



- Chủ đề gắn liền với các nội dung dễ thu hút sự quan tâm của sinh viên
- **Gắn liền với các ứng dụng hoặc ý nghĩa trong thực tiễn**
- Đa dạng hóa các loại chủ đề trong một học phần (các vấn đề + bài báo + tìm hiểu các hướng nghiên cứu mới...)
- **Chọn chủ đề thuộc lĩnh vực rất am hiểu của GV**

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR

- **Bố trí thời gian tiến hành cemina:**
- Hoạt động ceminar cần diễn ra thường xuyên và xen kẽ với hoạt động thuyết giảng của GV (chẳng hạn cuối một tiết giảng, sau khi kết thúc một chủ đề hay trước khi chuyển sang một chủ đề mới).
- Điều này sẽ giúp SV đỡ nhàm chán và GV kịp thời nắm bắt mức độ tiếp thu của SV, từ đó định hướng điều chỉnh, bổ sung kiến thức, tài liệu tham khảo cho SV.

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR

- **Chia nhóm** (số lượng, thành phần)

Nên tùy theo tình hình học tập của từng lớp

- Lớp có đa số SV học tập chủ động, tích cực: có thể chia nhóm ngẫu nhiên hoặc đăng ký



- Lớp học yếu, nhiều SV bị động trong học tập: nên chia theo chủ ý của GV để mỗi nhóm có những thành viên “key”
- Đối với các học phần chuyên ngành CNSH ko nên chia nhóm quá đông (4 -6 SV/nhóm)

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR



- **Đưa ra thời gian chuẩn bị hợp lý**
 - Quy định cụ thể cho thời gian chuẩn bị (thời gian nộp đề cương, nộp báo cáo hoàn chỉnh...)
 - Quy định thời gian trình bày báo cáo và thời gian thảo luận
 - Nên có kế hoạch sớm khi bắt đầu môn học

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR

- Kiểm soát nội dung seminar



- Giúp SV xác định nội dung seminar (qua đề cương)
 - Đưa ra các câu hỏi cần được giải đáp trong mỗi vấn đề
 - Làm trọng tài
- Khẳng định hoặc điều chỉnh những kết luận của mỗi vấn đề trong seminar (Không bỏ qua các điểm quan trọng của chủ đề)

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR

- Điều khiển không khí buổi seminar



- Định hướng tinh thần thảo luận cho cả lớp (thảo luận để tăng hiểu biết của bản thân hơn là kiểm tra hiểu biết của người trình bày).

- GV nên chọn vị trí thuận lợi cho việc theo dõi các hoạt động của nhóm báo cáo đồng thời quan sát được các thành viên khác của lớp học

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR



- Điều khiển không khí buổi seminar
 - Tránh những thảo luận bên ngoài chủ đề
 - Cần giúp cho buổi seminar liên tục sôi nổi (ko để thời gian chết quá lâu)
- Chú ý sự tham gia và mong muốn của các thành viên khác (ngoài nhóm trình bày) tham gia trong buổi seminar

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR



- **Đánh giá**
 - Quy định trước khi giao chủ đề)
 - Có % điểm đánh giá quá trình
 - Có tham khảo bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên trong nhóm dựa trên công việc được phân công
- Theo dõi, nhận xét và đánh giá những người tham gia seminar (cả thành viên của nhóm báo cáo và SV trong lớp)

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRONG PP GIẢNG DẠY SEMINAR



- **Đánh giá**

- % điểm bài báo cáo (chung cho nhóm): hình thức, nội dung + việc thực hiện các thời hạn
- % điểm quá trình làm việc nhóm (điểm cho mỗi thành viên + nhóm trưởng): tự đánh giá + quan sát của GV
- % điểm trình bày và thảo luận (điểm cho mỗi thành viên)
- Điểm thưởng cho các thành viên tích cực ngoài nhóm

NGUYÊN NHÂN HẠN CHẾ

- Phần lớn lớp học khá đông (60 – 80 SV).
- Đa số GV chỉ được bồi dưỡng lý thuyết chung chung về phương pháp giảng dạy, chứ chưa được huấn luyện cụ thể kỹ năng thiết kế học phần do mình đảm nhiệm.
- Áp lực về định mức giờ giảng của GV, nên GV ít có thời gian học hỏi, sáng tạo các biện pháp đổi mới phương pháp giảng dạy. Điều này dẫn đến sự đơn điệu trong việc thiết kế, tổ chức seminar và ít nhiều gây nhàm chán cho SV

NGUYÊN NHÂN HẠN CHẾ

- Năng lực và ý thức học tập của SV còn khá thấp
- Do quỹ thời gian cho từng môn học không nhiều mà khối lượng kiến thức còn mang tính hàn lâm (chương trình đào tạo) gây khó khăn, mệt mỏi cho GV lẫn SV trong tổ chức hoạt động học tập theo nhóm vì phải làm việc quá tải.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Phương pháp GD bằng seminar có nhiều hiệu quả tích cực trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy.
- Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này ở các BM còn nhiều hạn chế do việc tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo và chế độ làm việc của GV còn nhiều bất cập

Kiến nghị

- Nỗ lực của bản thân GV
- Cần sự hỗ trợ của Nhà Trường: thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về các phương pháp dạy học hiện đại trong đó có phương pháp semiar, trang bị cơ sở vật chất đầy đủ, đồng đều giữa các phòng học, giảm sĩ số lớp học, giảm áp lực về định mức giờ giảng, khuyến khích tạo điều kiện cho GV thực hiện đổi mới GD...)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Văn Hảo, *Sổ tay phương pháp giảng dạy và đánh giá*, Đại học Nha Trang, 2010 (Tài liệu lưu hành nội bộ)
- [2] (Nhiều tác giả)(2004), *Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề* (Tuyển tập các bài giảng về phương pháp giảng dạy đại học, phương pháp dạy học dựa trên vấn đề), Đại học Thủy Sản (Tài liệu lưu hành nội bộ).
- [3] Hoàng Thị Huệ An, *Một số kinh nghiệm tổ chức hoạt động học tập theo nhóm trong giảng dạy hóa học tại Đại học Nha Trang*, Kỷ yếu báo cáo đổi mới phương pháp giảng dạy, Khoa Khoa học Cơ bản, 2011.

A photograph of a field of small white flowers with yellow centers, set against a background of green grass. The text "THANK YOU FOR YOUR ATTENTION!" is overlaid in the center in a bold, yellow, sans-serif font. The image is framed by a light brown border with a subtle pattern.

**THANK YOU FOR YOUR
ATTENTION!**

NÂNG CAO HI ỆU QU ả CÔNG TÁC
ÁNH GIÁ QU ả TRÌNH
TRONG ẢO T ỒN TÍN CH Ứ.

V ẽ n H ọc C ứ m



I. GIỚI THIỆU

- đánh giá quá trình (GQT) là một trong những nội dung quan trọng của một hệ thống giáo dục.

“Mục đích của việc đánh giá hệ thống giáo dục, hãy nhìn vào quy trình đánh giá học viên”
(Rowntree, 1987)

“Một sinh viên có thể lựa chọn tránh một giáo viên tồi nhưng không thể trốn thoát những học giả quá một trình đánh giá yếu kém”
(Boud, 1995)



I. GIỚI THIỆU

1. Kết quả học tập rõ ràng.

2. Trải nghiệm học tập (tôi là học sinh khác).

3. Kết quả học tập (1) mong muốn sinh viên thể hiện năng thành tích, và (2) thông qua **GQT**.



*S : Chìa khóa học tập thành công
(Key to successful learning - Biggs, 2003)*



I. GIỚI THIỆU

⇒ Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá quá trình học tập là việc làm thường xuyên của giáo viên.

⇒ Nhiệm vụ/nhệm vụ của các nhà quản lý đánh giá quá trình ⇒ Khó khăn của các nhà quản lý đánh giá quá trình.

Kinh nghiệm bản thân????



II. M T S PH NG PHÁP GQT

1. Các bài kiểm tra khách quan (*Short form test/ Objective test*)
2. Bài kiểm tra câu trả lời ngắn (*Short answer test*)
3. Bài tiểu luận (*Essay*)
4. Kiểm tra hiệu quả (*Performance test*)
5. Viết báo cáo (*Written report*)
6. Trình bày (*Presentation*)
7. Project
8. Poster and Journal



II. M T S PH NG PHÁP GQT

1. Các bài kiểm tra khách quan (Objective test)

- Tr c nghi m
- i n t / i n thông tin
- úng/sai
- N i ý



II. M T S PH NG PHÁP GQT

1. Các bài kiểm tra khách quan (Objective test)

(+)	(-)
Nội dung trải rộng	Khó chọn ra những câu “ánh giá” hơn là những câu chỉ mang tính chất bài
Chiếm bài: dễ và nhanh	Thời gian chuẩn bị lâu
Ít sai sót đáng tin cậy	SV có thể đoán (~ 25%)
Các câu hỏi có thể tái sử dụng thường xuyên	Các câu hỏi xây dựng hỏi h t có thể cung cấp mạnh mẽ cho SV
	Hạn chế tính sáng tạo trong SV
	áp án sai?



Đề Thi Chuẩn

Kỳ thi đang xử lý

Kỳ Thi II

Môn thi đang xử lý

Tiếng Anh Lớp 12

Câu	Mã câu hỏi	Đáp án	Hạng A	Hạng B	Hạng C	Hạng D
5	0035	A				
6	0009	A	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
7	0018	D	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
8	0001	D	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
9	0002	B	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
10	0004	D	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
11	0005	B	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
12	0006	B	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
13	0007	D	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
14	0008	C	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
15	0010	D	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
16	0012	B	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
17	0013	A	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
18	0014	C	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
19	0015	C	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
20	0016	A	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
21	0017	A	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
22	0019	B	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
23	0020	D	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
24	0021	C	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

My daughter often says that she won't get married until she _____ 25 years old.

A. is **B.** will be **C.** will have been **D.** has been

***Đáp án: A

Thêm

Sửa câu hỏi

Hủy

In đề gốc

Định dạng

In đề chuẩn

Sửa số nhóm

Sửa đáp án

In phiếu làm bài

Chấm tự động

Đề hoán vị

Trở về

Taimienphi

Nhập câu hỏi từ Doc File

Chọn tệp định dạng Word(*.doc)

...

100%

Tùy chọn nhóm kí tự phân biệt

Toàn bộ câu hỏi
 Chuyển nhập câu hỏi đầu tiên

Phân loại câu hỏi

Tự động phân biệt loại nội dung câu hỏi
 Chọn phân loại cụ thể câu hỏi

Phân loại: Câu hỏi ngắn Câu hỏi dài

Kiểu nội dung: Trắc nghiệm Điền khuyết Cặp đôi Tự luận

Loại câu hỏi: Lý thuyết Bài tập

Mức độ khó dễ: Dễ Trung bình Khó

Kiểu câu hỏi chuyển nhập

Chuyển nhập vào danh sách câu hỏi tạm thời
 Chuyển nhập vào danh sách câu hỏi chính thức

Kỹ năng và phạm vi kiến thức câu hỏi

Chọn kỹ năng
 Thời gian thực hiện: Phút

Phạm vi kiến thức

Tự động loại bỏ dòng đầu tiên sau ký tự phân biệt câu hỏi:

Trợ giúp

Chọn file word cần chuyển nhập câu hỏi

Chọn phạm vi kiến thức các câu hỏi sẽ chuyển nhập vào

School net

iQB Cat 7.0

Full Edition - Bản Đầy Đủ


NGÂN HÀNG ĐỀ THÔNG MINH

Intelligent Question Bank

iQB Product Suite

Số đăng ký bản quyền: 525/2004/QĐG

iQB Cat version 7.0
Schoolzeret Technology Company



III. M T S PH NG PHÁP GQT

2. Các bài kiểm tra có cấu trúc linh hoạt

- Các câu hỏi có cấu trúc linh hoạt (1-3 câu, hoặc một hoặc nhiều câu).

Ví dụ :



III. M T S PH NG PHÁP GQT

2. Các bài kiểm tra có cấu trúc riêng

(+)	(-)
Nội dung gần gũi thực tế	Khó làm so với đề (1)
Chiếm bài: dễ và nhanh	Khó khăn trong việc lập các tiêu chí (tổng quát, chi tiết)
Khuyến khích SV viết câu trả lời súc tích và rõ ràng	Điểm số có thể mang tính chủ quan
	SV có thể đoán
Có thể sử dụng lại câu hỏi	Ít cơ hội cho SV trình bày các lập luận



III. M T S PH NG PHÁP GQT

3. *Ti u lu n (Essay)*

- *Ti u lu n* òi h i SV c n l a ch n, và t ng h p các tài li u phù h p v i ch .
- Yêu c u sinh viên k n ng vi t và phát tri n kh n ng th o lu n
- *Ti u lu n* có th dài 1 trang (300 t - làm trong th i gian thi) n 10 trang (3000 t - chu n b t i nhà).

Ví d :



III. M T S PH NG PHÁP GQT

3. *Ti u lu n (Essay)*

(+)	(-)
Giúp SV t ng k n ng vi t	N i dung bó h p
GV có th phát hi n ra l i c a SV: hi u nh m, quan ni m sai l m	SV có th suy ngh câu h i theo nhi u chi u h ng khác nhau
Th i gian ra ng n	Th i gian ch m dài
T ng kh n ng hi u sâu vào l v n sinh viên	Tính nh t quán trong vi c cho i m d a vào barrem có s n
Có th s d ng l i câu h i	Tính ch quan trọng vi c ch m i m
	Vi t tay: ch x u?

III. M T S PH NG PHÁP GQT

4. Ki m tra hi u qu (*Performance test*)

- Ph ng pháp này òi h i các ho t ng tay chân: s d ng kính hi n vi, phát tri n m t s n ph m (vi t m t ph n m m, thi t k m t ngôi nhà, làm tiêu b n)







III. M T S PH NG PHÁP GQT

4. Kiểm tra hiệu quả (*Performance test*)

(+)	(-)
Khuyến khích SV làm chủ trong quá trình học	Thời gian chuẩn bị, trình bày và đánh giá
Thúc đẩy việc học	Khó xác định tiêu chí đánh giá
Thích	Tổn hao lớn cho SV
SV có chủ động học tập	Yêu cầu thêm các
Cho phép các SV tiến hành công việc khác nhau	Khó so sánh các sinh viên với nhau (vì sản phẩm khác nhau)
Có thể đánh giá một loạt các kỹ năng	Tính chất quan trọng việc chi m i m

III. M T S PH NG PHÁP GQT

5. Vi t báo cáo (*Written report*)

- Báo cáo c vi t đ a trên các s li u/thông tin thu th p c trong su t quá trình h c và c vi t theo nh đ ng nh t nh.
- Dùng trong ánh giá th c hành PTN, They can be used to assess laboratory, i th c t (field work) ho c các bài t p tình hu ng (case studies).



QUAN SÁT TẾ BÀO THỰC VẬT, TẾ BÀO ĐỘNG VẬT

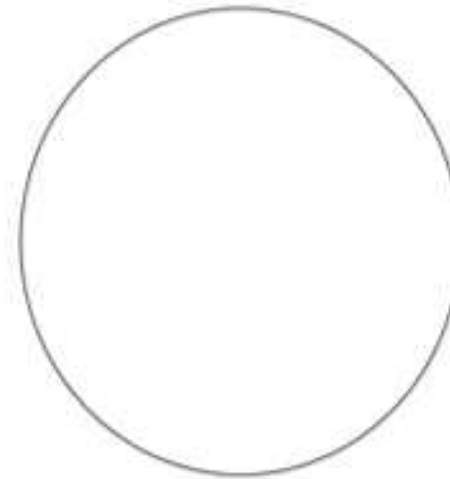
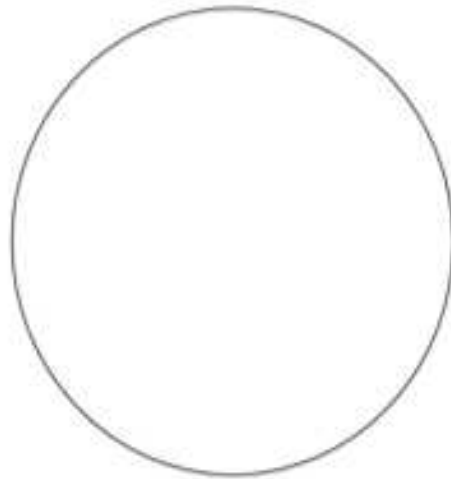
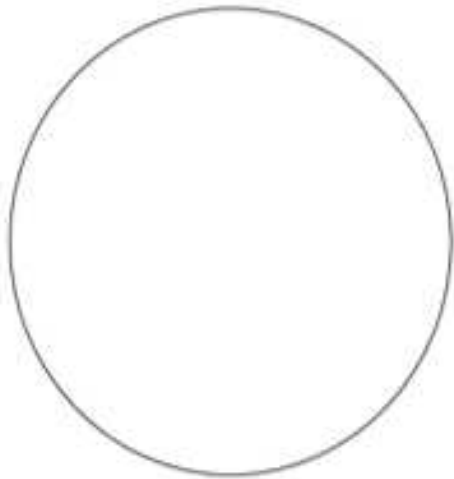
1. Tế bào hành tây, tế bào hành tím là tế bào prokaryote hay eukaryote ? Vì sao có thể xác định điều này ?

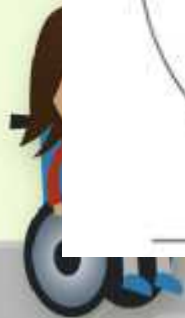
.....
.....

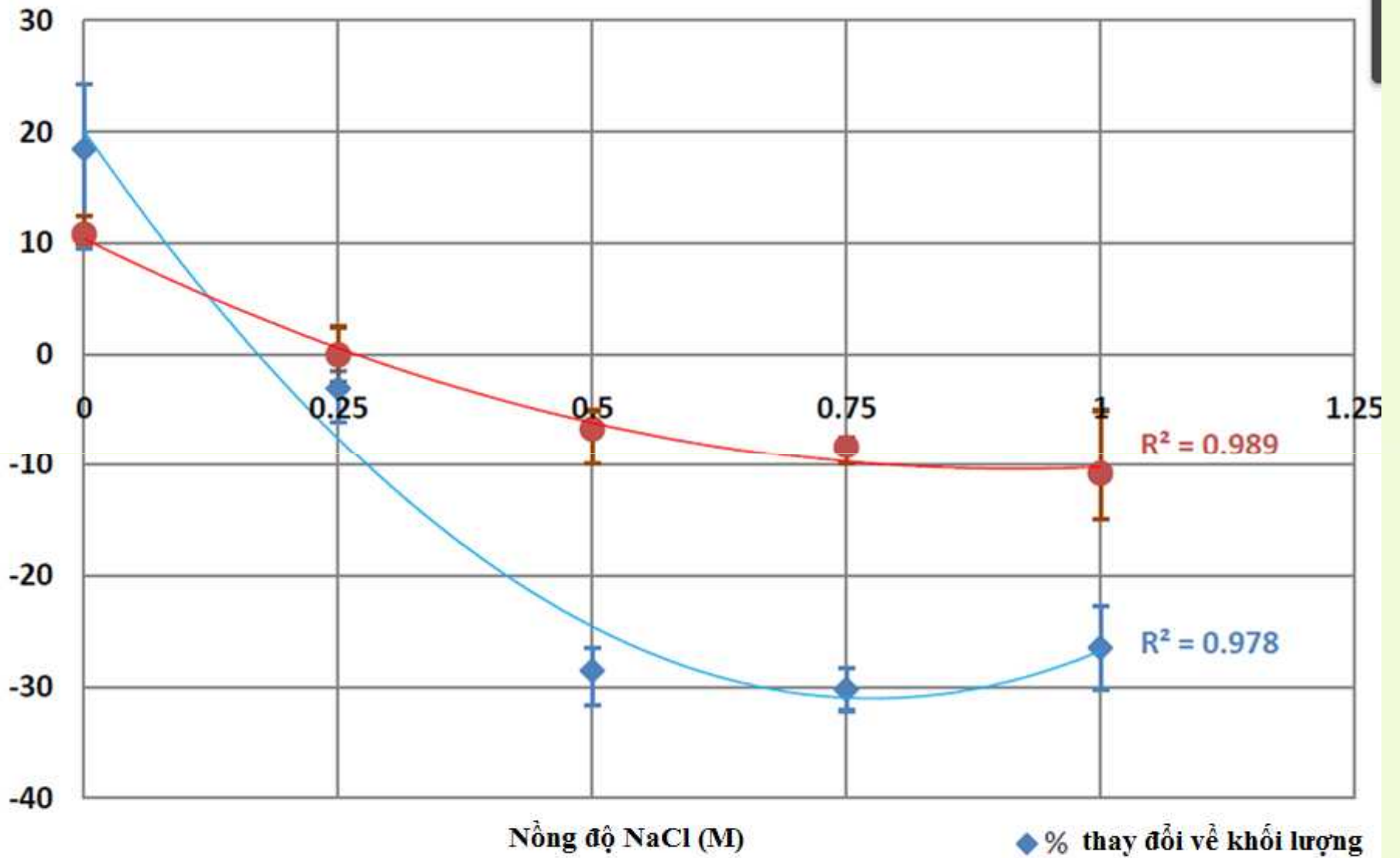
2. Idone nhuộm những cấu trúc nào? Xanh methylene nhuộm những cấu trúc nào?

.....
.....
.....
.....

3. Vẽ lại các cấu trúc quan sát được qua kính hiển vi với ít nhất 2 vật kính khác nhau/mẫu







III. M T S PH NG PHÁP GQT

5. Vi t báo cáo – *Written report*

(+)	(-)
Mang tính th c t	SV có th s a s li u có m t k t qu “ p”
Rèn luy n và th hi n k n ng vi t (v n b n theo nh d ng chu n).	T o s lo l ng cho SV
Có th ánh giá các k n ng chung	i m s khó có th ph n ánh úng nh ng n l c c a SV.
	Vi t báo cáo có th cho k t qu h c t p không nh mong mu n
Khuy n kích sinh viên phân tích k t qu , gi i quy t v n	i m s có th mang tính ch quan

III. M T S PH NG PHÁP GQT

6. Trình bày – *Presentation*

- Là các trình bày mà người thuyết trình chuẩn bị trước nhà, bằng cách trình bày với các công cụ hỗ trợ như PowerPoint, bản viết tay hay các đồ án thu âm/thu hình.
- Hình thức này có thể áp dụng đánh giá cá nhân hoặc nhóm SV.
- Có nhiều dạng: phát biểu, đóng kịch, báo cáo và sân khấu, Presentations may take different forms such as role plays, tranh luận, câu hỏi và trả lời.



III. M T S PH NG PHÁP GQT

6. Trình bày – *Presentation*

(+)	(-)
ánh giá nhiều hơn cùng lúc	S d ng th i gian c a l p h c
Ch m i m t ng i nhanh	i m s có th mang tính ch quan
a nh n xét/ ánh giá cho sinh viên nhanh chóng	T o s lo l ng trong sinh viên
Nhi u n i dung khác nhau	Tranh cãi trong sinh viên/ t nh ng câu h i ngoài l



III. M T S PH NG PHÁP GQT

Project, Poster and Journal

- Là nh ng k t qu c a sinh viên t c sau quá trình h c và t h c. Có th bi u hi n các ho t ng khác nhau.
- Có th ti n hành theo t ng cá nhân ho c theo nhóm.



III. M T S PH NG PHÁP GQT

Project, Poster and Journal

(+)	(-)
C h i sinh viên sáng t o và th c hi n ý t ng	SV có th t p trung nhi u vào trình bày h n hi u sâu vào v n
T o cho sinh viên có trách nhi m trong vi c h c	C n có thêm các ph ng ti n khác
Nhi u ch	Khó kh n trong vi c so sánh k t qu
	i m s có th mang tính ch quan





TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biggs, J. (2003). *Teaching for quality learning at university: What the student does* (2nd ed.). Buckingham: Society for Research into Higher Education and Open University Press.
2. Bloom, B. S., Ed. (1956). *Taxonomy of educational objectives: The classification of educational goals. Book 1: Cognitive domain*. London, Longman.
3. Brown, G., Bull, J., & Pendlebury, M. (1997). *Assessing student learning in higher education*. London: Routledge.
4. Guba, E. G. and Lincoln, Y. S. (1989). *Fourth generation evaluation*. Newbury Park: Sage. Huba, M. E. & Freed, J. E. (2000). *Learner-centered assessment on college campuses: shifting the focus from teaching to learning*. Boston: Allyn and Bacon.



TÀI LI U THAM KH O

5. James, R., McInnis, C. & Devlin, M. (2002). *Assessing learning in Australian universities: Ideas, strategies and resources for quality in student assessment*. Melbourne: Centre for the Study of Higher Education.
6. Paulson, L. F., Paulson P. R., & Meyer C. (1991). *What makes a portfolio a portfolio?* "Educational Leadership," 48(5), 60-63.
7. Rowntree D. (1987). *Assessing Students: How Shall We Know Them?*. Taylor & Francis
8. Stevens, D. D and Levi, A. J. (2005). *Introduction to rubrics*. Virginia, Stylus.

